

Bản án số: 19/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 18/ 5 /2020.

"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát: ông An Bắc Lùng; chức vụ: kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 99/HNGĐ-ST, ngày 12 tháng 3 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 14/2020/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn T; Sinh năm 1977 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* chị Phạm Thị P ; Sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 4, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và quá trình thụ lý vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn T trình bày:

Anh Nguyễn T và chị Phạm Thị P tự nguyện chung sống từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết quy định của pháp luật; chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, tình tình; từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, do không thể tiếp tục chung sống nên anh T và chị P đã sống ly thân từ đầu năm 2019 liên tục đến nay. Hiện nay anh T thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công bố không công nhận quan hệ giữa anh T và chị P là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không có.

Tài liệu chứng cứ đã nộp như trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Bị đơn chị Phạm Thị P qua bản tự khai trình bày : Chị P và anh T tự nguyện chung sống từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết quy định của pháp luật; chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, sống ly thân từ đầu năm 2019 liên tục đến nay; nay chị P đồng ý Tòa án giải quyết công bố không công nhận quan hệ giữa chị P và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T và chị Phạm Thị P, tự nguyện chung sống từ năm 1996, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ giữa anh T và chị P không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống do xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân; hiện nay anh T và chị P đều đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị P. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn T và chị Phạm Thị P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn T. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn T và chị Phạm Thị P là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: không có.

[4]. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh T phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0010171, ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh